

Tình thương của các vị Bồ Tát và Chư Phật

Thích Như Điển

Ở đây chúng ta cũng nên định nghĩa về hai chữ "tình yêu" (Liebe) và "tình thương" (Barmherzigkeit) nó khác nhau hay giống nhau ở điểm nào? Khi người ta nói đến tình yêu, tức giới hạn giữa con người và con người như nam và nữ yêu nhau hay giữa con người và động vật cũng như cảnh vật chung quanh mình. Tình yêu luôn có sự chấp ngã và hay bị lụy về đối tượng mình đang yêu, nhưng khi không được yêu và tự ngã của người nam hay người nữ bị tổn thương thì tình yêu ấy không còn là tình yêu nữa, mà đôi khi còn trở nên thù hận với nhau. Khi người nam yêu người nữ có nghĩa là người đàn ông ấy muốn chiếm hữu riêng người đàn bà kia về cho mình, còn khuynh hướng của người nữ là khuynh hướng nương tựa, nếu đối tượng là người nam mà giới nữ không còn nương tựa được nữa thì tình yêu ấy trở nên xa cách và nguội lạnh dần, không mặn nồng như thuở ban đầu nữa.

Thế nào là tình thương? Tình thương chỉ có và tồn tại nơi những người có tâm hồn vĩ đại, chỉ vì người chứ không phải vì tình yêu vị kỷ cho riêng mình. Người đó có thể là một nhà Bác Học, hy sinh đời mình, làm việc một cách tận tụy để cứu nhân độ thế, không nề hà đến đời sống cá nhân của mình như nhà Bác Học Pasteur, Bà Marie Currie, Ông Robert Koch v.v... Họ có một tầm nhìn xa, muốn cứu nhiều người ra khỏi những cảnh khổ bởi nhiều căn bệnh khó trị của thời đại. Họ cũng có thể là những người thực hành hạnh Bồ Tát, cứu đời quên mình và với lòng từ bi vô lượng là khi nào chúng sanh không còn đau khổ nữa thì các Ngài mới nhập Niết Bàn. Từ địa vị Bồ Tát đến quả vị Phật, theo tinh thần Đại Thừa, các vị ấy cần rất nhiều thời gian để thành tựu đại nguyện của mình.

Ở đây có thể lấy hai ví dụ của Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Địa Tạng làm điển hình. Ở Ấn Độ và Tây Tạng, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có hình dạng người nam, có cả ngàn tay ngàn mắt hay nhiều tay nhiều mắt để cứu độ chúng sanh theo 12 lời nguyện và 32 hóa thân của Ngài. Nhưng khi Phật Giáo Đại Thừa được truyền đến Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn và Nhật Bản thì các Ngài ở hình tượng của người nữ. Có lẽ với người nữ thì tình thương thể hiện dễ rõ nét hơn người nam chăng? Nên bất cứ đi đâu, tại các quốc gia này chúng ta ít thấy hình dạng của Đức Quán Thế Âm hiện thân là người nam. Do vậy trong kinh Pháp Hoa phẩm thứ 25 Phật nói rằng: Trong 32 hóa thân ấy, cần thân gì thì Ngài sẽ hiện thân tương ứng với điều cần giúp đỡ để thể hiện cho tình thương của mình đối với con người và muôn vật. Điều này cũng tương ứng với danh hiệu "Quán Thế Âm" của Ngài. Có nghĩa là Ngài xem xét, truy cầu tiếng kêu cứu mà đến giúp đỡ. Như vậy ở đây ta phải hiểu là chỉ có tình thương, lòng từ bi mới có thể thể hiện được, còn tình yêu vị kỷ thì không thể nào có một tấm lòng bao dung, độ lượng như vậy.

Ở Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn và Việt Nam có tạo dựng 500 hình tượng khác nhau để thể hiện qua việc thiên biến vạn hóa của 1.000 tay và 1.000 con mắt của Đức Bồ Tát Quán Thế Âm. Như vậy khi nghe tiếng kêu cầu bất cứ ở nơi nào trong 10 phương vô biên quốc độ, với tình thương cao cả của Ngài không phân biệt nơi đâu, chốn nào hay kẻ kêu cứu ấy thuộc chủng loại gì, với tình thương không phân biệt, Ngài đều hiện thân để cứu khổ.

Với Phật Giáo Tây Tạng, sự hóa thân của 14 đời Đạt Lai Lạt Ma, nếu không phải là Đức Quán Thế Âm thì khó có vị Bồ Tát nào có được lòng đại từ đại bi như các Ngài, mặc dầu đi đâu và gặp ai, Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 vẫn luôn hay nói rằng: "Tôi chỉ đơn thuần là một Tăng Sĩ Phật Giáo". Chữ đơn thuần ấy thể hiện nơi nụ cười, ánh mắt và tấm lòng từ bi của

Ngài cho người Tây Tạng nói riêng và nhân loại nói chung, trên năm châu bốn biển ngày nay tôn vinh Ngài là một vị Bồ Tát có tâm lòng từ bi vị tha cao cả nhất, đứng trên tất cả những nhà lãnh đạo tinh thần của các tôn giáo khác, hiện đang có mặt trên thế giới ngày nay. Đây là một chứng minh cụ thể để chúng ta thấy rằng: Lòng từ bi, sự vị tha vì tha nhân nó có một giá trị vô song, mà con người không thể lấy đơn vị vật chất để có thể đo lường được.

Phật Giáo Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn và Nhật Bản có thói quen thờ hình tượng Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát và hay tụng Kinh Địa Tạng. Tương truyền rằng Kinh này do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói cho Hoàng Hậu Ma Ya, Thân mẫu của Ngài trên cung trời Đao Lợi nhân một mùa An cư kiết hạ, Ngài vắng mặt nơi cõi trần này và lúc Ngài về lại thế gian này bằng thân thông thì có vua Ưu Điền mang tượng Phật đến dâng lên Ngài, Ngài Duy Ma Cật đã đến cung nghinh Ngài trước cả vị Tỳ Kheo Ni Bảo Liên Hương (theo kinh Tạp A Hàm). Tuy nhiên mỗi dân tộc thờ hình tượng của Ngài Địa Tạng khác nhau, không có nước nào giống như nước nào cả, nhưng có một điều giống nhau đó là trên hai tay của Ngài đều có cầm một hạt minh châu và một cây tích trượng. Hai vật dụng này biểu trưng cho năng lực để cứu thoát những chúng sanh còn bị đọa lạc trầm luân trong các địa ngục. Lời nguyện của Ngài là "Khi nào trong địa ngục không còn một chúng sanh nào nữa, thì Ngài mới thành Phật". Nương theo lời nguyện này để chúng ta hiểu và thấy lòng từ bi của Ngài cao cả biết là dường bao. Chỉ có tình thương mới có thể hy sinh cuộc đời của mình để cứu giúp cho những chúng sanh khổ đau như thế.

Trong kinh "Bát Đại Nhân Giác" có nói rằng: "Các vị Bồ Tát thay thế cho tất cả chúng sanh để thọ nhận các khổ báo". Dầu cho nghiệp khổ ấy là gì. Các Ngài cũng giống như những ông lái đò đưa khách sang sông, còn mình vẫn luôn trôi trên những chuyên đò sanh tử ấy; chỉ mong sao mọi người hết khổ sanh tử, thì mình mới vào Niết Bàn.

Phật cũng có dạy rằng: "Lấy oán báo oán thì oán oán chất chồng, chỉ có lấy ân báo oán thì oán liền tiêu diệt". Điều ấy có nghĩa là chỉ có tình thương mới dập tắt được lửa hận thù, nếu đem sự sân hận để đối trị lại với sân hận thì lửa hận thù càng ngày càng chất ngất cao hơn. Do vậy lòng từ bi, tình thương yêu của Chư Phật và Chư vị Bồ Tát không khác nào những giọt nước thanh lương được bám vào cành dương liễu và Ngài Quan Thế Âm Bồ Tát đã dùng nước thanh tịnh này để tưới sạch không biết bao nhiêu nỗi phiền cho thế gian đầy đau khổ này. Như vậy tình yêu thì có thất vọng, khổ đau và chỉ hạn hẹp trong một hoàn cảnh nào đó; còn tình thương thì không biên giới, không phân biệt màu da, chủng tộc hay loại hình, mà sự ban vui cứu khổ ấy của Chư Phật hay của các vị Bồ Tát như Đức Quan Thế Âm và Bồ Tát Địa Tạng là những ví dụ điển hình đã được nêu ra.

Tôi đọc báo "Tibet và Buddhismus" từ số đầu tiên cho đến ngày hôm nay và tôi cũng đã hân hạnh gặp Ngài Geshe Thubten Ngawang từ năm 1978 tại Hamburg. Nay thì Ngài đã vắng sanh, nhưng trung tâm Phật Giáo Tây Tạng tại Hamburg cũng như trung tâm Semkye Ling tại Schneverdingen đã thể hiện quá nhiều qua tinh thần từ bi, ban vui cứu khổ này cho người Đức cũng như những người theo Phật Giáo, là những hình ảnh thật là tuyệt vời mà trong những năm trước 1970 khó thấy được điều này tại xứ Đức.

Ngoài ra chùa Viên Giác tại Hannover của chúng tôi cũng đã có nhân duyên cung đón Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đến thăm viếng và Ngài đã giảng pháp tại đây hai lần vào ngày 18 tháng 6 năm 1995 và ngày 20 tháng 9 năm 2013 vừa qua là những hình ảnh thật tuyệt vời nhất, thể hiện lòng từ bi của Ngài đối với đồng bào Phật Tử Việt Nam nói riêng và người Đức nói chung đang sinh sống tại quốc độ này.

Ngoài ra cá nhân tôi đã có nhân duyên nhiều lần gặp gỡ Ngài, học hỏi từ Ngài ở Delhi, Ấn Độ, Hamburg, Schneverdingen, Hannover, Frankfurt, Đức Quốc và tôi cũng đã đọc được rất nhiều sách của Ngài như quyển "Nước tôi và dân tôi", "Tự do trong lưu đày" là những quyển sách do chính tay Ngài biên soạn. Hay mới đây quyển "Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, người con trai của tôi" do Mẹ Ngài kể lại cho cháu của Ngài viết. Tất cả là những tác phẩm thật là tuyệt vời. Những lời dạy chân tình của Ngài đầy lòng từ bi và trí tuệ, khiến cho ai đó nghe thấy hay đọc đến cũng lấy làm ngưỡng mộ, không tiếc lời. Vì trên thế gian này ít ai có được tấm lòng từ bi cao cả như Ngài. Năm 1949 Trung Hoa Cộng Sản đã thôn tính đất nước Tây Tạng của Ngài và năm 1959 Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đã chính thức chạy sang tỵ nạn tại Dharamsala, Ấn Độ, nhưng với người Trung Quốc, bao giờ Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng dùng lòng từ bi để quán chiếu họ, chứ chưa bao giờ hay có một lời nói nào mà Ngài dùng sự sân hận để đối xử với người Trung Quốc như chúng ta đã thấy. Bởi vậy chúng ta có thể kết luận rằng: "Trong cái mất lại luôn có cái được" và "Trong cái được luôn tồn tại cái mất" là vậy. Cho nên trong pháp duyên sanh Đức Phật dạy rằng: Cái này sinh nên cái kia sinh, cái này diệt nên cái kia diệt. Sinh diệt, diệt sanh là chuyện vô thường trong Tam Pháp Ấn, nhưng dưới nhãn quan và lòng từ bi của Bồ Tát thì đến đi, còn mất, tăng giảm v.v... đều là những sự đổi dời của nhị nguyên. Chỉ có lòng từ bi mới còn ở lại mãi với đời. Do vậy ca dao xứ Huế, Việt Nam có thơ rằng:

"Trăm năm trước thì ta chẳng có
Trăm năm sau có cũng như không
Cuộc đời sắc sắc không không
Trăm năm còn lại tấm lòng từ bi."

Chính lòng từ bi đó cũng là tựa đề của tạp chí "Tibet và Buddhismus" của kỳ xuất bản này, tôi rất hân hạnh để viết bài này đăng trên tạp chí của Quý vị và hy vọng với sự liên hệ càng ngày càng chặt chẽ như thế này, Phật Giáo Việt Nam, Phật Giáo Đức và Phật Giáo Tây Tạng ở xứ Đức này sẽ có nhiều điểm chung hơn.

Viết xong bài này vào ngày 17 tháng 3 năm 2016 trên chuyến xe lửa từ Ravensburg trở về lại Hannover và Đại Đức Thích Hạnh Giới, Trụ Trì chùa Viên Giác, Tiền Sĩ Triết học dịch từ tiếng Việt sang tiếng Đức.

Sửa bản in ngày 21/3/2016: Thanh Phi

HT Thích Như Điển